

Số: ~~3148~~/HDLN - KHĐT - XD - TC -  
KBNN-XDNTM

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 1 năm 2014

## HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

**Về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng**

Căn cứ Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 08/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 30/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 4086/QĐ-UBND ngày 29/12/2010 và Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-BTC ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ của Kho bạc Nhà nước tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 12 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới và Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TTLT-BNNPTNT- BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên bộ Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên

tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT- BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 3408/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2015;

Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ban xây dựng nông thôn mới, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có kỹ thuật đơn giản, quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng và giao cộng đồng hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện.

### **I/ Mục tiêu, phạm vi và đối tượng.**

#### **1/ Mục tiêu:**

- Hướng dẫn này quy định chi tiết về nguyên tắc, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để hỗ trợ thực hiện các công trình có kỹ thuật đơn giản nằm trên địa bàn xã và giao cộng đồng hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, hỗ trợ kỹ thuật.

#### **2/ Đối tượng và phạm vi áp dụng.**

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; UBND các xã và cộng đồng hưởng lợi từ Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh.

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật đơn giản ở địa bàn xã có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 3 tỷ đồng, thời gian thực hiện dưới 2 năm và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong dự toán công trình, hạng mục công trình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3408/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 – 2015 và các quy định khác có liên quan.

- Khuyến khích áp dụng với công trình thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh không sử dụng vốn ngân sách mà do các cơ quan, tổ

chức, nhà tài trợ đầu tư trên địa bàn xã thực hiện theo các quy định của hướng dẫn này.

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2014.

## **II/ Nguyên tắc lập dự toán, hạng mục công trình.**

1/ Công trình lựa chọn lập dự toán phải có trong danh mục công trình, dự án thuộc Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã được duyệt (hoặc công trình thuộc danh mục được UBND cấp huyện phê duyệt để thực hiện theo hướng dẫn này).

2/ Dự toán được lập với công trình, hạng mục công trình đơn giản hoặc có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (sau đây gọi tắt là Ban quản lý xã) làm chủ đầu tư.

3/ Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, nhà nước đóng vai trò định hướng và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

4/ Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực, phát huy vai trò làm chủ, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá đầu tư của cộng đồng dân cư.

5/ Thực hiện theo thứ tự ưu tiên, công trình dễ làm trước, khó làm sau.

## **III/ Trình tự lập, thẩm định phê duyệt và hình thức thực hiện đầu tư.**

1/ Lựa chọn công trình, hạng mục công trình lập dự toán.

- Hàng năm căn cứ vào kế hoạch thực hiện, nhu cầu đầu tư của xã và nguồn kinh phí thực tế, UBND cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho các xã để thực hiện đầu tư các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Căn cứ mức hỗ trợ do cấp huyện quy định hoặc thông báo trong năm, UBND xã hoặc Ban quản lý xã phổ biến trực tiếp đến các thôn và cộng đồng dân cư về cơ chế đầu tư đặc thù để cộng đồng dân cư lựa chọn sơ bộ công trình hoặc hạng mục công trình áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình để triển khai lập dự toán.

2/ Thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt dự toán công trình.

Bước 1: Lập dự toán công trình.

Ban quản lý xã lập dự toán công trình theo định mức hoặc đơn giá và bản vẽ thiết kế thi công công trình hoặc thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn và tăng cường cán bộ chuyên môn giúp Ban quản lý xã lập triển khai thực hiện công trình.

Nội dung dự toán:

- Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư, quy mô công trình, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thời gian thực hiện và nội dung khác (nếu có).

- Giá trị dự toán, trong đó gồm kinh phí nhà nước hỗ trợ, đóng góp của nhân dân, huy động khác (nếu có); nguồn vốn đầu tư.

- Bản vẽ thiết kế thi công công trình (nếu có) hoặc theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi.

*(Dự toán công trình theo Mẫu số 01).*

Bước 2: Tổ chức họp dân và hoàn chỉnh dự toán.

- Căn cứ dự toán công trình, Ban quản lý xã tổ chức họp dân tại nhà văn hóa xã (hoặc thôn) để thống nhất về các nội dung của dự toán công trình, phương thức huy động vốn, các khoản đóng góp của nhân dân, hình thức quản lý công trình và cách thức triển khai đầu tư (trường hợp không thống nhất công trình thì họp, bàn lựa chọn công trình khác và tiếp tục thực hiện lại từ bước 1 của mục này).

- Ban quản lý xã hoàn chỉnh dự toán công trình theo các ý kiến đã thống nhất tại cuộc họp dân và trình UBND xã thẩm định, phê duyệt.

*(Biên bản họp dân theo Mẫu số 02).*

Bước 3: Thẩm định dự toán công trình.

- Hồ sơ trình thẩm định: Dự toán công trình kèm theo hồ sơ thiết kế thi công (nếu có) hoặc thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã lựa chọn, biên bản các cuộc họp với dân liên quan đến công trình và các văn bản pháp lý khác (nếu có).

- Tổ thẩm định dự toán: UBND xã thành lập tổ thẩm định, thành phần gồm: Lãnh đạo UBND xã làm tổ trưởng, đại diện được Giám sát đầu tư của cộng đồng xã (Ban giám sát cộng đồng xã), tài chính - kế toán xã, chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn. Trường hợp cần thiết, UBND xã đề nghị các cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện hỗ trợ trong quá trình thẩm định dự toán.

*(Quyết định thành lập tổ thẩm định theo Mẫu số 03)*

- Nội dung thẩm định: Tính khả thi về thiết kế của công trình, mặt bằng thi công, khả năng huy động nguồn vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác); sự phù hợp của công trình với các quy hoạch của xã, tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá của địa phương, các công trình tương tự đã và đang thực hiện, khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được hưởng lợi từ công trình.

- Tổ thẩm định phải báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản với UBND xã, đồng gửi Ban quản lý xã. Trường hợp ý kiến thẩm định chưa thống nhất với dự toán, phải ghi nội dung chưa thống nhất trong báo cáo kết quả thẩm định để Ban quản lý xã họp dân (nếu cần thiết) và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

*(Báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số 04)*

- Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### Bước 4: Phê duyệt dự toán công trình.

Ủy ban nhân dân xã phê duyệt dự toán công trình trên cơ sở dự toán và các tài liệu liên quan do Ban quản lý xã trình (hoặc đã điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến thẩm định) và báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định.

*(Quyết định phê duyệt dự toán theo Mẫu số 05)*

#### 3/ Điều chỉnh dự toán công trình.

3.1. Dự toán đã phê duyệt chỉ được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

- Khi có quy hoạch thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của công trình hoặc có văn bản yêu cầu điều chỉnh dự toán công trình của cơ quan có thẩm quyền.

- Theo ý kiến của đa số nhân dân tham gia đóng góp xây dựng công trình và việc điều chỉnh sẽ xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho công trình.

3.2. Khi điều chỉnh dự toán làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu công trình hoặc vượt dự toán đầu tư đã được phê duyệt thì Ban quản lý xã phải báo cáo UBND xã xem xét quyết định (nếu điều chỉnh theo ý kiến của đa số nhân dân nhưng vượt dự toán phê duyệt ban đầu thì chủ đầu tư vận động nhân dân đóng góp thêm phần kinh phí này); trường hợp nhân dân không đóng góp thêm thì UBND xã cân đối khả năng hỗ trợ vốn theo quy định để xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp. Những nội dung thay đổi phải được thẩm định lại theo trình tự tại Bước 3 và Bước 4 của mục 2 – Phần III.

3.3. Người quyết định điều chỉnh dự toán công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

#### 4/ Hình thức thực hiện đầu tư.

Giao cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương nơi có công trình, hạng mục công trình đã phê duyệt dự toán thực hiện.

4.1. Tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện công trình.

- Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương được coi là có tư cách hợp lệ để tham gia thực hiện công trình khi người dân thuộc cộng đồng dân cư hoặc tổ, nhóm thợ hoặc các hội viên của tổ chức đoàn thể sinh sống, cư trú trên địa bàn triển khai công trình và được hưởng lợi từ công trình.

- Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ ký kết hợp đồng.

#### 4.2. Quy trình lựa chọn đơn vị thực hiện:

Bước 1: Ban quản lý xã dự thảo hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ các bên.

*(Dự thảo hợp đồng theo Mẫu số 06)*

Bước 2: Ban quản lý xã niêm yết thông báo công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn, chợ, nơi tập trung dân cư về việc mời tham gia thực hiện công trình và thông báo trên phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng để các cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể và tổ, nhóm thợ trên địa bàn biết. Thông báo cần ghi rõ thời gian, địa điểm nộp hồ sơ năng lực và họp bàn về phương án thực hiện công trình.

Bước 3: Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ, nhóm thợ quan tâm nhận dự thảo hợp đồng tại Ban quản lý xã để nghiên cứu và chuẩn bị hồ sơ năng lực bao gồm: Họ tên, nơi cư trú (thôn, xã), độ tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất công trình của các thành viên tham gia thực hiện công trình.

Bước 4: Ban quản lý xã xem xét, đánh giá lựa chọn ra cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ, nhóm thợ tốt nhất theo tiêu chí về giá cả, tiến độ, chất lượng, năng lực, kinh nghiệm và mời đại diện vào đàm phán, ký kết hợp đồng.

- Thành phần mời họp đánh giá hồ sơ năng lực gồm: Đại diện UBND xã, Ban quản lý xã, các đoàn thể xã hội, ban giám sát cộng đồng, trưởng thôn, đại diện cộng đồng dân cư được hưởng lợi từ công trình.

- Trường hợp chỉ có 01 cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ, nhóm thợ quan tâm có đủ điều kiện năng lực xây dựng công trình thì xem xét lựa chọn theo thứ tự: Giao cho cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ, nhóm thợ đó thực hiện; Trường hợp hết thời hạn thông báo do chủ đầu tư quy định chỉ có 01 nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm đó thực hiện *(kết thúc cuộc họp đánh giá có biên bản thống nhất)*.

- Trường hợp không giao cho cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ, nhóm thợ được hưởng lợi từ công trình thì lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Bước 5: UBND xã phê duyệt kết quả lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ, nhóm thợ thực hiện công trình và tiến hành ký kết hợp đồng trên cơ sở thương thảo, thống nhất các nội dung trong dự thảo của hợp đồng; niêm yết công khai kết quả tại trụ sở UBND xã và thông báo trên phương tiện truyền thông cấp xã.

*(Kết quả lựa chọn đơn vị thi công theo Mẫu số 07)*

Thời gian từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện công trình đến khi bắt đầu xem xét, đánh giá lựa chọn đơn vị thực hiện là 15 ngày làm việc và thời gian thương thảo ký kết hợp đồng tối đa 05 ngày làm việc.

#### **IV/ Trình tự, thủ tục quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu công trình.**

##### **1/ Quản lý chất lượng vật liệu xây dựng:**

- Người được phân công nhiệm vụ giám sát trong Ban giám sát xây dựng, Ban giám sát cộng đồng, đại diện nhóm thợ thi công có trách nhiệm kiểm tra chất lượng và lập biên bản nghiệm thu chất lượng, nguồn gốc của vật liệu trước khi thi công.

- Vật liệu xây dựng mua của doanh nghiệp hoặc đại lý tại địa phương phải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành về vật liệu xây dựng công trình và phù hợp hướng dẫn thi công trong thiết kế mẫu.

- Đối với cấp phối đá dăm hoặc cuội sỏi khai thác từ núi hoặc từ sông suối của địa phương phải đảm bảo chất lượng, đủ cường độ.

- Cát, đá (hoặc cuội sỏi) của địa phương đổ bê tông phải đảm bảo sạch, không lẫn tạp chất.

- Đá hộc sử dụng trong công trình là loại đá sạch, rắn chắc, không bị rạn nứt.

- Nước đổ bê tông phải sạch.

- Xi măng PC 30 hoặc tương đương.

- Cấp phối bê tông, vật liệu lấy theo quy định của thiết kế mẫu, thiết kế điển hình lựa chọn cho công trình hoặc các quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền.

*(Biên bản nghiệm thu vật liệu theo Mẫu số 08)*

##### **2/ Tổ chức thi công xây dựng công trình.**

- Trước khi triển khai xây dựng công trình, chủ đầu tư phải bàn giao mặt bằng, vị trí công trình cho bên nhận thầu.

- Bên nhận thầu thi công theo thiết kế, dự toán được duyệt và đảm bảo đúng các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản.

- Trong quá trình xây dựng công trình, bên nhận thầu thi công phải đảm bảo về an toàn, chất lượng, tiến độ, môi trường và không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của nhân dân liền kề với công trình.

- Ghi Sổ nhật ký thi công: Diễn biến quá trình thi công, thực hiện các hạng mục công trình phải ghi chép đầy đủ, lưu giữ tại công trường.

- Khi hoàn thành công trình, Ban quản lý xã phải hoàn thiện hồ sơ hoàn công và ký xác nhận.

*(Biên bản bàn giao mặt bằng theo Mẫu số 09)*

##### **3/ Giám sát thi công xây dựng công trình:**

- Giám sát của chủ đầu tư: UBND xã thành lập Ban giám sát xây dựng xã, để giám sát việc xây dựng các công trình nông thôn mới trên địa bàn xã. Ban giám sát có tối đa 05 thành viên; Trưởng ban giám sát do các thành viên của Ban giám sát bầu và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chuẩn y bằng văn bản, các thành viên của Ban giám sát là đại diện các bộ phận, tổ chức của UBND xã. Trách nhiệm của Ban giám sát xã: Được quyền yêu cầu bên nhận thầu phải thực hiện

đúng hợp đồng; tham gia ký biên bản nghiệm thu (có quyền từ chối không ký xác nhận nghiệm thu nếu công trình không đạt chất lượng theo yêu cầu).

- Ban giám sát cộng đồng gồm: Đại diện Mặt trận tổ quốc làm trưởng Ban, các thành viên gồm đại diện một số cá nhân có năng lực do nhân dân được hưởng lợi từ công trình bầu (khoảng 3 - 4 người). Ban giám sát cộng đồng có nhiệm vụ giám sát, đôn đốc thực hiện công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ và ký xác nhận tại biểu tổng hợp giá trị quyết toán công trình.

4/ Nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác công trình:

4.1. Nghiệm thu hạng mục hoặc công trình hoàn thành: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Đại diện Ban quản lý xã; đại diện bên nhận thầu thi công xây dựng; đại diện Ban giám sát cộng đồng.

a/ Nội dung và trình tự nghiệm thu.

- Kiểm tra chất lượng công trình, hạng mục công trình tại hiện trường, đối chiếu khối lượng với hồ sơ bản vẽ và dự toán được duyệt.

- Đo đạc, thống kê kích thước, xác định khối lượng từng hạng mục công việc đã thực hiện.

- Kết luận về chất lượng công trình, khối lượng công việc thực hiện.

b/ Biên bản nghiệm thu hoàn thành bao gồm các nội dung.

- Đối tượng nghiệm thu.

- Thời gian, địa điểm nghiệm thu.

- Thành phần tham gia nghiệm thu.

- Đánh giá về chất lượng công trình (*đạt hay không đạt theo dự toán công trình được duyệt*).

- Xác định khối lượng, kích thước từng hạng mục công trình đã thực hiện.

- Kết luận nghiệm thu (*chấp thuận hay không chấp thuận nghiệm thu hoàn thành công trình*).

- Các ý kiến khác (*nếu có*).

4.2. Bàn giao quản lý, khai thác công trình: Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư phải bàn giao công trình và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho thôn hoặc đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì.

*(Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo Mẫu số 10)*

## **V/ Hồ sơ, thủ tục về thanh quyết toán công trình.**

1. Mở tài khoản.

- Chủ đầu tư được mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc ngân sách cấp xã tại Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản giao dịch của ngân sách xã) theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

- Kho bạc nhà nước (nơi Ban quản lý xã mở tài khoản) hướng dẫn thủ tục mở tài khoản cho chủ đầu tư.



## 2. Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của công trình.

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản thanh toán) các tài liệu cơ sở của dự án đầu tư (các tài liệu này là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư; tài liệu này chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp có sự bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

- Biên bản họp dân và kết quả thẩm định dự toán công trình.
- Dự toán công trình kèm theo quyết định phê duyệt của UBND xã và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có).
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể hoặc tổ, nhóm thợ thi công công trình.
- Hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư với đơn vị thực hiện công trình và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật.
- Các quyết định (thông báo) hỗ trợ vật liệu, kinh phí cho công trình.

## 3/ Tạm ứng vốn đầu tư.

Kho bạc Nhà nước thanh toán cho chủ đầu tư để tạm ứng vốn cho bên nhận thầu theo hợp đồng hoặc để thực hiện các công việc cần thiết phải tạm ứng trước và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng; việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng phải thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng loại hợp đồng cụ thể như sau:

3.1. Mức vốn tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước, mức tạm ứng không vượt quá 30% kế hoạch vốn năm bố trí cho công trình; hoặc không quá 50% giá trị hợp đồng.

3.2. Hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn: Căn cứ hồ sơ tài liệu quy định tại điểm 2 nêu trên; chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng gửi tới Kho bạc Nhà nước gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư.
- Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (Ủy ban nhân dân xã hoặc Ban quản lý xã bảo lãnh bằng tín chấp đối với công trình do dân trong xã tự làm).

*(Giấy đề nghị thanh toán theo Mẫu số 11)*

- Chứng từ chuyên tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính).

## 3.3 Thu hồi vốn tạm ứng:

- Vốn tạm ứng được thu hồi qua từng lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với bên nhận thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng.

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

+ Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: Sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng.

+ Đối với các công việc khác: Vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc bồi thường, hỗ trợ.

3.4. Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với bên nhận thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

- Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng, nếu quá thời hạn 6 tháng quy định trong hợp đồng phải thực hiện khối lượng mà bên nhận thầu chưa thực hiện do nguyên nhân khách quan hay chủ quan hoặc sau khi ứng vốn mà bên nhận thầu sử dụng sai mục đích, thì chủ đầu tư có trách nhiệm cùng Kho bạc Nhà nước thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm việc tạm ứng vốn mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

- Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

3.5. Nhà nước cấp vốn cho chủ đầu tư để thanh toán tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 (trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau). Chủ đầu tư có thể thanh toán tạm ứng một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên; trường hợp kế hoạch vốn bố trí không đủ mức vốn tạm ứng thì Chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

4/ Thanh toán khối lượng hoàn thành.

4.1. Đối với công việc được thực hiện thông qua hợp đồng: Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng.

- Hồ sơ thanh toán: Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng (hoặc hợp đồng bổ sung), chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước, bao gồm:

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán.

*(Bảng xác định khối lượng thanh toán theo Mẫu số 12)*

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo hướng dẫn này).

+ Chứng từ chuyển tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính).

- Trường hợp người đại diện cho bên nhận thầu không có tài khoản: Chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán bằng tiền mặt; Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng công trình; chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân tham gia thực hiện công trình.

- Khi thanh toán cho gói thầu do người dân trong xã tự làm thì cơ quan thanh toán không thanh toán giá trị chi phí của các công việc người dân không thực hiện và phần thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trình.

#### 4.2. Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

- Đối với các công việc như trường hợp tự làm, các công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện,...: Việc thanh toán phù hợp với từng loại công việc, trên cơ sở báo cáo khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc. Hồ sơ thanh toán bao gồm: Bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

- Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, hồ sơ thanh toán bao gồm: Bảng kê xác nhận khối lượng công tác bồi thường, hỗ trợ đã thực hiện; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

*(Bảng xác định khối lượng bồi thường theo Mẫu số 13)*

#### 5. Thanh toán kế hoạch vốn năm của dự án.

- Chi thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (bao gồm thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng), trừ các công trình được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán.

- Số vốn thanh toán cho dự án đầu tư trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án đầu tư.

- Số vốn thanh toán cho từng nội dung công việc, hạng mục công trình không được vượt dự toán công trình được duyệt.

#### 6. Ghi thu – ghi chi vốn đầu tư cho công trình.

- Đối với các khoản đóng góp bằng hiện vật (bao gồm vật tư, thiết bị, ngày công lao động) để tham gia xây dựng công trình. Sau khi tiếp nhận các chứng từ

ghi thu - ghi chi, cán bộ kiểm soát chi căn cứ các nội dung chi, các chỉ tiêu trên chứng từ ghi thu - ghi chi và hồ sơ, tài liệu của công trình tiến hành hạch toán số vốn ghi thu - ghi chi theo mục lục NSNN. Trường hợp không đủ căn cứ để hạch toán số vốn ghi thu - ghi chi theo mục lục NSNN, cán bộ kiểm soát chi lập thông báo nêu rõ lý do để lãnh đạo KBNN huyện ký đề nghị cơ quan tài chính phối hợp với chủ đầu tư để xác định mục lục NSNN đối với số vốn theo thông báo ghi thu - ghi chi.

- Bộ phận kiểm soát chi căn cứ Lệnh ghi thu, ghi chi vốn đầu tư do cơ quan Tài chính huyện lập (theo mẫu số C2-17a/NS tại Thông tư số 08/2013/TT-BTC) để hạch toán thanh toán vốn đầu tư cho công trình (thanh toán khối lượng XD/CB hoàn thành), đồng thời thông báo cho chủ đầu tư biết số vốn đã hạch toán thanh toán theo hình thức ghi thu - ghi chi.

#### 7. Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán và thời hạn thanh toán.

Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) hợp lệ của bên nhận thầu; chủ đầu tư phải hoàn thành thủ tục đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) và chuyển hồ sơ thanh toán (hoặc tạm ứng) tới Kho bạc Nhà nước; trong thời gian 07 ngày làm việc đối với trường hợp “kiểm soát trước, thanh toán sau” và trong 03 ngày làm việc đối với trường hợp “thanh toán trước, kiểm soát sau” (kể từ ngày nhận đủ tài liệu), căn cứ hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng); Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán (hoặc tạm ứng) vốn cho chủ đầu tư và theo đề nghị của chủ đầu tư thanh toán (hoặc tạm ứng) cho bên nhận thầu, các đơn vị liên quan; đồng thời thu hồi vốn tạm ứng (nếu có).

#### 8. Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán như sau:

- Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình, Kho bạc Nhà nước không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. Kho bạc Nhà nước căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

- Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán và “kiểm soát trước, thanh toán sau” đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng. Căn cứ vào nguyên tắc này, Kho bạc Nhà nước hướng dẫn cụ thể và đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, bên nhận thầu.

9/ Quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

9.1. Quyết toán vốn đầu tư hàng năm.

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính (tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 về chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã; Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 Hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ Tài chính; Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 về xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm; Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm) và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

9.2. Quyết toán công trình hoàn thành.

a) Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/2/2012 của Bộ Tài chính quy định quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn (Biểu số 01/QTDA và số 02/QTDA theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo thông tư).

b) Hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành gồm:

- Hồ sơ pháp lý.

+ Quyết định phê duyệt dự toán công trình: Bao gồm hồ sơ dự toán được duyệt kèm theo bản vẽ thiết kế của công trình; Biên bản họp dân, kết quả thẩm định dự toán và các quyết định phê duyệt điều chỉnh bổ sung (nếu có).

+ Hợp đồng giữa chủ đầu tư với các đơn vị thực hiện và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định.

+ Các quyết định hoặc văn bản hỗ trợ vật tư, tiền mặt được phê duyệt.

- Hồ sơ quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu công trình: (Theo quy định tại mục IV của hướng dẫn này).

- Hồ sơ quyết toán giá trị công trình: Bảng xác định giá trị quyết toán công trình.

*(Bảng tổng hợp giá trị quyết toán theo Mẫu số 14)*

c) Thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành.

- Khi công trình đầu tư xây dựng hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; chậm nhất sau 03 tháng, chủ đầu tư phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Chậm nhất sau 02 tháng, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của UBND xã phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành và trình người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán công trình.

- Trường hợp xã không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. UBND xã làm văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế

hoạch cấp huyện thẩm tra giúp báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để xã có cơ sở phê duyệt quyết toán công trình.

- Nội dung thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo hướng dẫn tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/2/2012 của Bộ Tài chính.

*(Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán công trình theo Mẫu số 15)*

d) Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

- Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành của các tổ chức, đơn vị thẩm tra; chủ đầu tư kiểm tra, trình chủ tịch UBND xã quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

- Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

- + Ban quản lý xã.
- + Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản).
- + Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.
- + Ban giám sát xã.

Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành được lập và lưu trữ theo chế độ lưu trữ hồ sơ.

## **VI/ Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan liên quan.**

1/ Ban xây dựng nông thôn mới là cơ quan đầu mối, chủ trì với các Sở ngành liên quan (Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển, Kho bạc Nhà nước) hướng dẫn triển khai thực hiện quy định này.

2/ Sở ngành liên quan (Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển, Kho bạc Nhà nước) thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Ban xây dựng nông thôn mới hướng dẫn về chuyên ngành liên quan theo quy định của pháp luật.

3/ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố.

- Hướng dẫn UBND các xã lựa chọn, thực hiện đầu tư các công trình đúng mục đích, đối tượng theo nội dung hướng dẫn này.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ UBND xã, Ban quản lý xã và nhân dân tổ chức lựa chọn, triển khai thực hiện đầu tư các công trình đúng đối tượng.

4/ Ủy ban nhân dân xã.

- Công khai, tuyên truyền về cơ chế thực hiện, động viên nhân dân đóng góp, huy động nguồn lực đối ứng để thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch và kế hoạch được duyệt.

- Chỉ đạo Ban quản lý xã, các thôn tổ chức, triển khai thực hiện theo hướng dẫn này.

- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý vốn và các nội dung thực hiện theo thẩm quyền trong quá trình tổ chức xây dựng công trình và hạng mục công trình.

Trên cơ sở hướng dẫn của liên ngành, Ban Xây dựng nông thôn mới chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh tổ chức tuyên truyền, tập huấn thực hiện hướng dẫn, trường hợp có vấn đề phát sinh thì phản hồi đến các cơ quan liên quan để xem xét và phối hợp điều chỉnh cho phù hợp. *Quản lý*



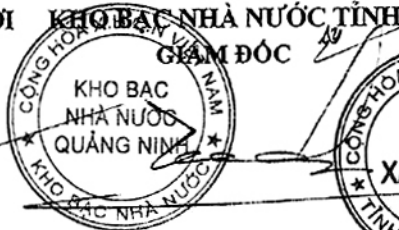
Nguyễn Văn Minh



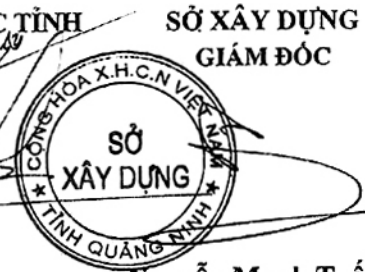
Trần Đức Lâm



Trương Công Ngân



Trần Xuân Tuấn



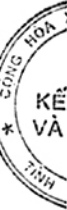
Nguyễn Mạnh Tuấn

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh,
- Ban Xây dựng nông thôn mới;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Kho Bạc huyện, thị xã và thành phố;
- Lưu VP các Sở: KH&ĐT, XD, TC, KBNN KTNN3 (30 bản).

## PHỤ LỤC

*(Kèm theo Hướng dẫn liên ngành số 3148/HDLN-KHĐT-XD-TC-KBNN-  
BXDNTM ngày 25/12/2014 của liên Sở Kế hoạch và Đầu tư - Xây dựng - Tài chính  
- Kho bạc Nhà nước tỉnh và Ban xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh)*





UBND XÃ.....  
BAN QUẢN LÝ XD NTM XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH.....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 3408/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn phục vụ Chương trình Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2015;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 3148/HDLN-KHĐT-XD-TC-KBNN-XDNTM ngày 25/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Xây dựng – Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước tỉnh – Ban xây dựng nông thôn mới về trình tự lập, thẩm định phê duyệt dự toán và tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng;

Căn cứ Quyết định (Thông báo) số ...../UBND ngày ...../...../..... của Ủy ban nhân dân huyện (thị xã, thành phố) về việc hỗ trợ vốn.....;

Căn cứ Quyết định số.... /QĐ-UBND ngày...../...../..... của Ủy ban nhân dân..... phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã.....;

Căn cứ Hướng dẫn số.....ngày.... tháng.... năm 2014 của ..... tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.....;

**I/ Giới thiệu về dự án:**

1. Tên công trình:.....
2. Địa điểm xây dựng: Thôn....., xã.....,.....
3. Chủ đầu tư: Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã.....
4. Lập dự toán công trình: Ban quản lý xây dựng NTM xã.....

**II/ Hiện trạng, sự cần thiết và mục tiêu xây dựng công trình.**

1. Hiện trạng công trình.
2. Sự cần thiết phải đầu tư.
3. Mục tiêu đầu tư.

**III/ Quy mô đầu tư và dự toán công trình.**

1. Quy mô đầu tư.

(Chi tiết các hạng mục, nội dung đầu tư của công trình)

## 2. Dự toán công trình.

Căn cứ hồ sơ thiết kế mẫu đã được lựa chọn để xây dựng công trình, định mức xây dựng hiện hành và chi phí xây dựng được tổng hợp theo biểu sau:

T T	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Định mức (cho 01 đơn vị)	Số lượng	Khối lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>A</b>	<b>Chi phí vật liệu (VL)</b>							
1	Xi măng	Tấn						
2	Đá dăm	m <sup>3</sup>						
3	Cát	m <sup>3</sup>						
4	Thép	Kg						
5	Gạch	viên						
6	Gỗ, ván khuôn	m <sup>3</sup>						
	.....							
<b>B</b>	<b>Chi phí máy thi công (MTC)</b>							
1	Máy trộn bê tông	ca						
2	Máy cắt uốn thép	ca						
3	Máy đầm bàn	ca						
	.....							
<b>C</b>	<b>Chi phí nhân công (NC)</b>							
1	Nhân công đào	công						
2	Nhân công đắp	công						
3	Nhân công đổ bê tông	công						
	.....							
<b>D</b>	<b>Nội dung khác (nếu có)</b>							
	.....							
	<b>TỔNG CỘNG</b>							

### IV/ Ban quản lý xã..... đề nghị như sau:

1/ Nhà nước hỗ trợ:

- Chi phí vật liệu .....triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án (công trình).....triệu đồng
- Chi phí thuê máy thi công (nếu có) ..... triệu đồng
- Chi phí thuê nhân công (nếu có)..... triệu đồng
- Chi phí khác (nếu có)..... triệu đồng

2/ Dự kiến mức đóng góp của nhân dân..... triệu đồng

(Nếu nhân dân, nhà hảo tâm đóng góp bằng nhân công, vật liệu, máy thi công... thì ghi rõ và quy ra tiền)

Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã..... đề nghị Ủy ban nhân dân xã..... thẩm định và phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Tổ thẩm định....
- Thôn....
- Lưu.....

**BAN QUẢN LÝ XÂY DỰNG NTM  
Xã.....**

**Ghi chú về thông tin trong bảng tổng hợp chi phí xây dựng:**

- (4) là định mức được lấy trong hồ sơ thiết kế mẫu đã được lựa chọn, thống nhất do cơ quan có thẩm quyền ban hành kèm theo khối lượng vật liệu, máy thi công, nhân công cho 1 đơn vị tính - ĐVT (1nhịp kênh mương, 1đoạn đường giao thông điển hình, 1 cống....)

- (5) là số lượng thực tế của công trình (ví dụ: 20 nhịp kênh mương, 5 đoạn đường điển hình, 5 cống...)

- (6) là khối lượng (VL, MTC, NC) = (4)\*(5).

- (7) Đơn giá VL, MTC, NC là đơn giá được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền; trường hợp duyệt đơn giá cao hơn, chủ đầu tư phải họp thống nhất bằng biên bản và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

+ Đơn giá vật liệu: Xác định theo công bố giá của liên Sở Tài chính - Xây dựng tỉnh Quảng Ninh tại tháng lập dự toán hoặc tháng gần nhất trên địa bàn cộng với chi phí vận chuyển theo quy định. Trường hợp vật liệu mua của dân (đã được nghiệm thu đảm bảo chất lượng) để sử dụng vào công trình thì giá phải phù hợp mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận (người xác nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình).

+ Đơn giá ca máy và thiết bị thi công: Xác định theo Quyết định số 3482/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

+ Đơn giá nhân công: Xác định theo Quyết định số 3600/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh và các hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- (8) Tổng chi phí thành tiền = (6)\*(7)

- Nội dung khác (nếu có): Là các chi phí ngoài vật liệu, máy thi công và nhân công cần phải có mới xây dựng hoàn thành được công trình.

- Chi phí quản lý dự án (công trình) thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm 20...

**BIÊN BẢN HỌP DÂN**

Về việc lựa chọn công trình:..... để triển khai xây dựng

Căn cứ Quyết định số 3408/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn phục vụ Chương trình Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2015;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 3148/HDLN-KHĐT-XD-TC-KBNN-XDNTM ngày 25/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Xây dựng – Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước tỉnh – Ban xây dựng nông thôn mới về trình tự lập, thẩm định phê duyệt dự toán và tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng;

Căn cứ quy hoạch nông thôn mới của xã...

Theo Quyết định (thông báo) hỗ trợ vốn của ....

Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm 20...

Tại nhà văn hóa xã (thôn)..... của xã ....., Ban quản lý xã tổ chức mời các hộ dân họp để thống nhất chọn công trình (hoặc hạng mục công trình) triển khai thi công theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, bản phương thức đóng góp của nhân dân, tổ chức thi công, hình thức quản lý dự án và thanh quyết toán công trình.

**I/ Thành phần tham gia gồm có:**

I.	Ban quản lý xã	Chức vụ/thôn
1	Ông:	
2	Ông:	
II.	Đại diện thôn	
1	Ông:	Trưởng thôn
2	Ông:	
III.	Đại diện các hộ dân	
1		Thôn...
2		
3		
4		
5		

**II/ Nội dung thống nhất tại buổi họp:**

1/ Theo hồ sơ thiết kế (hoặc thiết kế mẫu, thiết kế điển hình) được Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã lập tháng..... năm....., cụ thể:

- Mục tiêu đầu tư:

- Quy mô và nội dung xây dựng:

- 2/ Tổng dự toán công trình.
- Chi phí vật liệu: đồng
  - Chi phí máy, thiết bị thi công: đồng
  - Chi phí nhân công: đồng
  - Chi phí khác (nếu có): đồng
  - Nguồn vốn đầu tư:
    - + Nhà nước hỗ trợ vật liệu: Đá các loại, cát các loại, gạch chi, sắt, xi măng, máy chuyên dùng:.....đồng.
    - + Nhân dân đóng góp: Ngày công lao động, máy đầm, máy trộn BT và các chi phí khác:..... đồng.
3. Ý kiến tham gia của nhân dân.
- Về mặt bằng của công trình: *Nhân dân tự tổ chức GPMB theo qui hoạch*
  - Về lựa chọn thiết kế của công trình: *Nhất trí*
  - Về dự toán của công trình: *Đồng ý*
  - Vốn và cơ cấu vốn đầu tư:
    - + Số vốn Nhà nước hỗ trợ: *Nhất trí*
    - + Nhân dân đóng góp: Tiền mặt (hoặc quy vật chất quy đổi ra tiền).....
    - + Huy động khác: .....
  - Về hình thức thực hiện đầu tư: *Giao cộng đồng thực hiện theo quy định*

**Đ/D CÁC HỘ DÂN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đ/D THÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đ/D BAN QUẢN LÝ XÃ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- 1/ Thành phần tổ chức họp dân.
- Ban quản lý xã gồm: Lãnh đạo Ban và các bộ phận liên quan.
  - Đại diện thôn gồm: Trưởng thôn và những người có trình độ chuyên môn, hiểu biết về kỹ thuật công trình (nếu có).
  - Đại diện các hộ dân gồm: Trong khu vực được hưởng lợi và liên quan đến công trình (số người dân đại diện ký biên bản ít nhất là 05 người).
- 2/ Quy mô và nội dung xây dựng.
- Họp bàn về sự cần thiết, thống nhất nội dung, quy mô đầu tư và sự phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới của xã đã được duyệt.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày..... tháng..... năm 20...

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ thẩm định công trình: .....

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư Liên bộ số 26/2011/TTLB-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 3148/HDLN-KHĐT-XD-TC-KBNN-XDNTM ngày 25/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Xây dựng – Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước tỉnh – Ban xây dựng nông thôn mới về trình tự lập, thẩm định phê duyệt dự toán và tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng;

Căn cứ Quyết định số.... /QĐ-UBND ngày...../...../..... của Ủy ban nhân dân..... phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã.....;

Xét đề nghị của Ban quản lý xã tại Tờ trình số.../TTr-BQL ngày.../.../201...về việc.....

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Tổ thẩm định công trình....., gồm các ông, bà có tên sau:

1. Ông:.....: Chức vụ.... (Tổ trưởng).
2. Bà:.....: Chức vụ.... (đơn vị công tác).

.....

**Điều 2:** Tổ thẩm định có nhiệm vụ:

1. Thẩm định tính khả thi về kỹ thuật, mặt bằng thi công, khả năng huy động nguồn vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác); sự phù hợp của công trình với các quy hoạch của xã, tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá của địa phương, các công trình tương tự đã và đang thực hiện; khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công công trình.

2. Tổ thẩm định theo thời gian quy định và báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản với UBND xã, đồng gửi thôn. Trường hợp ý kiến thẩm định chưa thống nhất với dự toán, phải ghi nội dung, lý do chưa thống nhất trong báo cáo kết quả thẩm định để Ban quản lý xã điều chỉnh, bổ sung.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Trưởng Ban quản lý xã, Trưởng thôn..., và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- UBND huyện (b/c);
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- BQL XDNTM xã ....
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT-VP.

**CHỦ TỊCH**

UBND XÃ.....  
TỔ THẨM ĐỊNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH  
DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH.....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020; Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 3148/HDLN-KHĐT-XD-TC-KBNN-XDNTM ngày 25/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Xây dựng – Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước tỉnh – Ban xây dựng nông thôn mới về trình tự lập, thẩm định phê duyệt dự toán và tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng;

Căn cứ Quyết định (thông báo) số ..... của UBND..... về danh mục công trình được thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù của UBND.....;

Căn cứ vào biên bản họp tổ thẩm định.....;

Căn cứ.....;

Sau khi thẩm định, Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự toán đầu tư công trình....., tại thôn..... với các nội dung như sau (gửi kèm theo dự toán đầu tư công trình):

**I. Nội dung:**

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:
3. Địa điểm xây dựng:
4. Mục tiêu đầu tư:
5. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng công trình (chỉ số kỹ thuật....., theo tiêu chuẩn....., thiết kế mẫu.....)



6. Tổng mức đầu tư:

6.1. Nhà nước hỗ trợ:

- Chi phí vật liệu .....triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án .....triệu đồng
- Chi phí thuê máy thi công (nếu có) ..... triệu đồng
- Chi phí thuê nhân công (nếu có)..... triệu đồng
- Chi phí khác (nếu có)..... triệu đồng

6.2. Dự kiến mức đóng góp của nhân dân..... triệu đồng

(Nếu nhân dân, nhà hảo tâm đóng góp bằng nhân công, vật liệu, máy thi công... thì ghi rõ và quy ra tiền)

7. Thời gian thực hiện:

8. Hình thức thi công (tự thực hiện và thuê.....)

9. Các nội dung khác (nếu có).

.....

**II. Kiến nghị:**

1. Nội dung thống nhất:
2. Nội dung chưa thống nhất (nếu có).
3. Nội dung khác:

.....

Tổ thẩm định, kính trình Ủy ban nhân dân xã xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban quản lý XD NTM xã;
- Thôn.....
- Lưu.....

**TM. TỔ THẨM ĐỊNH**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: QĐ-UBND

....., ngày..... tháng..... năm 20...

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán công trình: .....

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư Liên bộ số 26/2011/TTLB-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 3408/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn phục vụ Chương trình Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2015;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 3148/HDLN-KHĐT-XD-TC-KBNN-XDNTM ngày 25/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Xây dựng – Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước tỉnh – Ban xây dựng nông thôn mới về trình tự lập, thẩm định phê duyệt dự toán và tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng;

Xét đề nghị của Ban quản lý xã tại Tờ trình số.../TTTr-BQL ngày.../.../201... về việc.....

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Dự toán công trình....., với những nội dung sau:

1. Tên công trình: .....
2. Địa điểm xây dựng: Thôn ....., xã....., huyện....., tỉnh.
3. Nội dung và quy mô công trình (*Nêu những nội dung chính theo hồ sơ Dự toán*).

*(Nội dung chi tiết theo Dự toán đã thẩm định kèm theo)*

4. Giá trị dự toán duyệt: ..... đồng;  
Trong đó:
  - Chi phí vật liệu: ..... đồng;
  - Chi phí máy thi công: ..... đồng;
  - Chi phí nhân công:..... đồng;
  - Chi phí quản lý dự án: ..... đồng.
  - Chi phí khác (nếu có): ..... đồng;
5. Nguồn vốn xây dựng công trình:
  - Ngân sách nhà nước: ..... đồng;
  - Huy động nhân dân đóng góp: ..... đồng;
  - Huy động khác (các tổ chức, cá nhân tài trợ): ..... đồng.
6. Chủ đầu tư xây dựng công trình: Ban quản lý xã.....
7. Thời gian thực hiện: năm .....

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà): Trưởng Ban quản lý xã, Trưởng thôn..., và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện (b/c);
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- BQL XDNTM xã ....
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT-VP.

**CHỦ TỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 201....

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
**Số: ...../201...../HĐ-XD**

**CÔNG TRÌNH: .....**

**GIỮA**

**BAN QUẢN LÝ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
**XÃ .....**

**VÀ**

**TÊN CỘNG ĐỒNG, TỔ THỢ, NHÓM THỢ .....**

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;  
Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;  
Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28/6/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;  
Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 3148/HDLN-KHĐT-XD-TC-KBNN-XDNTM ngày 25/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Xây dựng – Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước tỉnh – Ban xây dựng nông thôn mới về trình tự lập, thẩm định phê duyệt dự toán và tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng;  
Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .../.../201... của Chủ tịch UBND xã về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị thi công xây dựng công trình.....;  
Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 201... tại UBND xã ..... chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu)**

Tên giao dịch: Ban quản lý xây dựng NTM xã .....

Đại diện là: Ông: .....

Chức vụ: ....., Trưởng ban

Địa chỉ: .....

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: .....

Tài khoản: ....., Mở tại Kho bạc Nhà nước.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

**2. Bên nhận thầu (Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ).**

Tên giao dịch: .....

Đại diện là: Ông:.....Chức vụ: .....

Địa chỉ:.....

Tài khoản: ....., Mở tại Ngân hàng..... (nếu có)

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng công trình:

..... với những nội dung như sau:

**Điều 1. Nội dung và khối lượng công việc**

Đơn vị nhận thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế mẫu trong Dự toán được duyệt hoặc bản vẽ thiết kế đã được thẩm định (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận).

**Điều 2. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng**

**1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng thi công xây dựng:**

a) Công trình phải được thi công theo đúng bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được chủ đầu tư chấp thuận), phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn của thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan.

b) Đơn vị nhận thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả về chất lượng vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả này phải được nghiệm thu, đánh giá theo quy định.

c) Đơn vị nhận thầu đảm bảo vật tư, thiết bị do mình cung cấp phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

2. Kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư được quyền kiểm tra bất kể vào thời gian nào những hoạt động về xây dựng trên công trường.

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, ở trên công trường Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

3. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Sau khi các công việc được hoàn thành đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ dự toán và Hợp đồng thì Bên nhận thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư để tiến hành nghiệm thu công trình.

Bên nhận thầu thông báo cho Chủ đầu tư để nghiệm thu công trình không sớm hơn 03 ngày trước khi công trình được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục, Bên nhận thầu có thể đề nghị nghiệm thu theo hạng mục.

Khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn tại nhưng những tồn tại về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn tại được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Bên nhận thầu phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn tại trong thời gian nhất định do các bên thống nhất.

Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Bên nhận thầu phải làm để hoàn thành công trình.

**Điều 3. Thời gian và tiến độ thực hiện**

1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng

Ngày khởi công công trình là ngày..... tháng ..... năm 201.....

Bên nhận thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình (*ngay sau ngày khởi công*) và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong khoảng thời gian ..... ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

- Bên nhận thầu lập tiến độ tại các mốc công việc chính và trình chủ đầu tư trong vòng 05 ngày sau ngày khởi công (trường hợp điều chỉnh tiến độ phải được chủ đầu tư chấp thuận).

- Bên nhận thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết nhưng phải đảm bảo với tiến độ chung của công trình đã được chủ đầu tư xác nhận.

3. Các trường hợp được xem xét gia hạn thời gian hoàn thành

a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các bộ phận khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Bên nhận thầu gây ra.

#### **Điều 4. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán**

##### **1. Giá Hợp đồng**

Tổng giá trị Hợp đồng là.....đồng. (Bằng chữ: .....) )

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc của công trình theo Hợp đồng, lợi nhuận của Bên nhận thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

##### **2. Tạm ứng**

Sau khi ký hợp đồng Chủ đầu tư sẽ ứng trước cho Bên nhận thầu .....% giá trị Hợp đồng tương ứng với số tiền là .....

##### **3. Thanh toán:**

- Hình thức thanh toán:.....

- Thời hạn thanh toán: 07 ngày kể từ khi Bên nhận thầu gửi tới chủ đầu tư đầy đủ thủ tục thanh toán.

- Phương thức thanh toán: Thanh toán từng lần tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành; khi hoàn thành toàn bộ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư thanh toán cho Bên nhận thầu tới 95% giá trị hợp đồng.

Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị hợp đồng để bảo hành.

Lần cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị còn lại khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán công trình và có biên bản xác nhận hết bảo hành.

#### **Điều 5. Điều chỉnh giá hợp đồng**

Giá hợp đồng được điều chỉnh khi bổ sung khối lượng ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết (*ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hồ sơ dự toán công trình*).

Khi có khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết thì các bên phải lập phụ lục hợp đồng bổ sung, trong đó cần xác định rõ về khối lượng công việc bổ sung và đơn giá áp dụng.

Đối với các công việc phát sinh đã có đơn giá trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng đã ký. Đối với các công việc bổ sung chưa có đơn giá trong Hợp đồng, thì đơn giá mới được xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng hoặc mặt bằng giá tại địa phương được duyệt để thoả thuận.

Trường hợp Chủ đầu tư cắt giảm khối lượng công việc hoặc hạng mục trong hồ sơ thiết kế thuộc phạm vi công việc phải thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết thì

giá hợp đồng phải giảm tương ứng với phần giá trị khối lượng công việc không phải thực hiện.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư:**

Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75 Luật Xây dựng ngày 26/11/2003 và trách nhiệm của chủ đầu tư về quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo các quy định hiện hành về xây dựng.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận thầu**

Bên nhận thầu thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 76, Luật Xây dựng ngày 26/11/2003 và trách nhiệm của nhà thầu về quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo Điều 19, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ các thông tin cần thiết liên quan đến công trình khi có yêu cầu.

Bên nhận thầu thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ theo Điều 47, Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

#### **Điều 8. Bảo hành công trình**

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Bên nhận thầu phải:

- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng.
- Trường hợp, Chủ đầu tư giữ lại tiền bảo hành công trình thì sau khi kết thúc thời gian bảo hành hoặc quyết toán công trình thì chủ đầu tư thanh toán cho Bên nhận thầu hết kinh phí còn lại của công trình.
- Trong thời gian bảo hành công trình Bên nhận thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên nhận thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên nhận thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 5 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên nhận thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Bên nhận thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên nhận thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên nhận thầu và thông báo cho Bên nhận thầu giá trị trên, Bên nhận thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

#### **Điều 9. Thương hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng**

##### **1. Thương hợp đồng**

Trường hợp Bên nhận thầu hoàn thành các nội dung, nghĩa vụ của Hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong Hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì sẽ được ưu tiên chỉ định thầu cho các công trình sau.

##### **2. Phạt vi phạm hợp đồng:**

Đối với Bên nhận thầu, nếu vi phạm các điều khoản hoặc không đảm bảo tiến độ bàn giao công trình đã được ký kết trong hợp đồng sẽ bị phạt theo quy định, mức phạt tối đa không quá 12% giá trị hợp đồng.



## **Điều 10. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**

### **1. Quyết toán Hợp đồng:**

Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 09 (Bộ) quyết toán Hợp đồng với các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng;
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Bên nhận thầu;
- Hồ sơ nhật ký thi công xây dựng công trình;
- Các tài liệu khác liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

### **2. Thanh lý Hợp đồng**

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.
- Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

## **Điều 11. Hiệu lực của Hợp đồng**

### **1. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng:**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày .... tháng .... năm 201.....

### **2. Tính pháp lý của Hợp đồng xây dựng**

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Bên nhận thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện.

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan.

## **Điều 12. Điều khoản chung**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng.
2. Hợp đồng này được lập thành 10 bản. Chủ đầu tư giữ 06 bản. Đơn vị nhận thầu giữ 02 bản và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật./.

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU**  
(Ghi rõ chức danh, họ tên)

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
**TRƯỞNG BAN**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã.....

Số: QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Bên nhận thầu thi công xây dựng công trình: .....

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 3148/HDLN-KHĐT-XD-TC-KBNN-XDNTM ngày 25/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Xây dựng – Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước tỉnh – Ban xây dựng nông thôn mới về trình tự lập, thẩm định phê duyệt dự toán và tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm 201..... của Chủ tịch UBND xã về việc phê duyệt Dự toán công trình.....;

Căn cứ biên bản họp xét chọn đơn vị thi công xây dựng công trình của Ban quản lý xã, Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND xã và Ban giám sát cộng đồng xã.....;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn Bên nhận thầu thi công xây dựng công trình: .....xã ....., huyện ....., với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Thi công xây dựng công trình.....xã....., huyện....., tỉnh Quảng Ninh.

2. Địa điểm xây dựng: Tại thôn ....., xã ....., huyện ....., tỉnh Quảng Ninh.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý xã.....

4. Đơn vị trúng thầu: Tổ chức (Tổ, nhóm thợ.....)

Địa chỉ: Thôn ....., xã ....., huyện ....., tỉnh Quảng Ninh.

5. Giá trúng thầu: ..... đồng (Bằng chữ: .....)

6. Nguồn vốn đầu tư:.....

7. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện Hợp đồng: ..... ngày (Bằng chữ.....) kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho Ban quản lý xã và các đơn vị, Ban, ngành trong xã..... căn cứ kết quả lựa chọn đơn vị tham gia hoạt động xây dựng được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình..... theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Hướng dẫn liên ngành về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Ban quản lý xây dựng NTM xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện (b/c);
- Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- BQL XDNTM xã ;
- Nhu Điều 2 (thực hiện);
- Lưu: VT-VP.

**CHỦ TỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN SỐ .....**

**NGHIỆM THU VẬT LIỆU, SẢN PHẨM CHẾ TẠO SẴN TRƯỚC KHI SỬ DỤNG**

Công trình: .....

Hạng mục: .....

Địa điểm xây dựng: .....

**1. Đối tượng nghiệm thu:** (ghi rõ tên công việc được nghiệm thu và vị trí xây dựng trên công trình)

**2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:**

a) Đại diện Ban quản lý xã (bao gồm cả người giám sát thi công của chủ đầu tư).

b) Đại diện tổ chức đoàn thể của xã.

c) Đại diện của tổ, nhóm thợ thi công:

**3. Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu : ..... ngày..... tháng..... năm.....

Kết thúc : ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại: .....

**4. Đánh giá vật liệu, sản phẩm chế tạo sẵn:**

a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của tổ, nhóm thợ thi công;  
- Bản vẽ thi công (nếu có) hoặc thiết kế mẫu, thiết kế điển hình được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Dự toán xây dựng công trình được UBND xã phê duyệt;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng áp dụng (nếu có);

- Chứng chỉ kỹ thuật xuất xưởng vật liệu (nếu có);

- Kết quả thí nghiệm kiểm định chất lượng vật liệu (nếu có);

b) Về chất lượng vật liệu, sản phẩm chế tạo sẵn:

STT	Nội dung kiểm tra	So với thiết kế		Tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật		Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật và Y/C kỹ thuật của công trình	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
1	Chủng loại						

c) Các ý kiến khác nếu có.

**5. Kết luận :**

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu, đồng ý cho triển khai các công việc xây dựng tiếp theo.

- Các yêu cầu khác nếu có.

**Người đại diện Ban quản lý xã**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**Người đại diện của tổ, nhóm thợ,  
đơn vị thi công**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**Người đại diện tổ chức đoàn thể**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BIÊN BẢN BÀN GIAO MẶT BẰNG THI CÔNG**

Công trình: .....

Địa điểm xây dựng: .....

**1. Thời gian bàn giao:**

Bắt đầu : ..... ngày..... tháng..... năm.....

Kết thúc : ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại: .....

**2. Thành phần bàn giao:**

a) Bên giao: Ban quản lý dự án xã ...(chủ đầu tư)

b) Bên nhận: Tổ, nhóm thợ thi công...(bên nhận thầu)

c) Đại diện Ban giám sát cộng đồng:

d) Đại diện quản lý sử dụng công trình (nếu có):

**3. Nội dung bàn giao:**

a) Căn cứ pháp lý:

- Hợp đồng thi công số... ngày... tháng...năm...giữa Ban quản lý xã (chủ đầu tư) và tổ, nhóm thợ thi công (bên nhà thầu) về việc thi công công trình...

- Bản vẽ thi công (nếu có) hoặc thiết kế mẫu, thiết kế điển hình được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Nội dung bàn giao:

- Ban quản lý xã ... (chủ đầu tư) bàn giao mặt bằng thi công; mốc ranh giới, mốc khống chế cao độ (ghi cụ thể tên, thông số mốc nếu có) cho Tổ, nhóm thợ thi công ...(bên nhận thầu) để thi công công trình... theo hợp đồng đã ký số... ngày... tháng...năm...;

- Tổ, nhóm thợ thi công.....(bên nhận thầu) có trách nhiệm quản lý, sử dụng mặt bằng thi công; mốc ranh giới, mốc khống chế cao độ (nếu có) để thi công công trình...đảm bảo chất lượng, tiến độ và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Biên bản được lập thành 8 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

- Biên bản được các bên đọc, thống nhất ký thôn qua.

**Đại diện Ban quản lý xã**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**Đại diện của tổ, nhóm thợ, đơn vị  
thi công**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**Đại diện Ban giám sát công đồng**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN SỐ .....**  
**NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**  
**HOẶC CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Công trình: .....

Hạng mục: .....

Địa điểm xây dựng: .....

**1. Đối tượng nghiệm thu:** (ghi rõ tên công việc được nghiệm thu và vị trí xây dựng trên công trình)

**2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:**

- a) Đại diện Ban quản lý dự án xã (chủ đầu tư);
- b) Đại diện của tổ, nhóm thợ thi công;
- c) Đại diện Ban giám sát cộng đồng;
- d) Đại diện quản lý sử dụng công trình (nếu có);

**3. Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu : ..... ngày..... tháng..... năm.....

Kết thúc : ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại: .....

**4. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:**

- a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:
  - Phiếu yêu cầu nghiệm thu của tổ, nhóm thợ thi công;
  - Bản vẽ thi công (nếu có) hoặc thiết kế mẫu, thiết kế điển hình được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;
  - Dự toán xây dựng công trình được UBND xã phê duyệt;
  - Tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng áp dụng (nếu có);
  - Biên bản nghiệm thu vật liệu, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng;



- Bản vẽ hoàn công công trình được chủ đầu tư xác nhận (nếu có);
- Sổ nhật ký thi công của nhà thầu được chủ đầu tư xác nhận;

b) Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Số TT	Nội dung kiểm tra	Phương pháp kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
			Đạt	Không đạt

c) Khối lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đối chiếu với dự toán xây dựng công trình được phê duyệt:

d) Các ý kiến khác (nếu có).

#### 5. Kết luận :

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác nếu có.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

**Đại diện Ban quản lý dự án xã**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**Đại diện của tổ, nhóm thợ, bên  
nhận thầu thi công**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**Đại diện Ban giám sát cộng đồng**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**Đại diện quản lý sử dụng công trình**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

CHỦ ĐẦU TƯ.....  
Số:.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước.....

- Tên dự án, công trình: .....
  - Chủ đầu tư/Ban QLDA..... mã số ĐVSDNS:.....
  - Số tài khoản Chủ đầu tư: - Vốn trong nước:..... Tại:.....  
- Vốn ngoài nước:..... Tại:.....
  - Căn cứ hợp đồng số .....ngày.....tháng.....năm.....
  - Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số.....ngày.....tháng.....năm.....
  - Số dư tạm ứng của các hạng mục/gói thầu đề nghị thanh toán:.....đồng.
  - Số tiền đề nghị: 

Tạm ứng	Thanh toán
---------	------------

 Theo nội dung sau đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
  - Thuộc nguồn vốn: (XDCB tập trung; CTMT,.....)
  - Thuộc kế hoạch vốn: ..... Năm:.....
- Đơn vị: đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán KLHT kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc gói thầu hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán					
Cộng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán kỳ này (bằng số): .....

Bằng chữ: .....

Trong đó: - Thu hồi tạm ứng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước: .....

+ Vốn trong nước: .....

- Thuế giá trị gia tăng:.....

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số):.....

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước: (bằng số):.....

+ Vốn trong nước: (bằng số):.....

Tên đơn vị thụ hưởng: .....

Số tài khoản của đơn vị thụ hưởng:..... Tại:.....

....., ngày .....tháng.....năm.....

**Kế toán trưởng**

(ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ đầu tư**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**PHẢN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Ngày nhận Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư:.....

Kho bạc Nhà nước chấp nhận

Tạm ứng

Thanh toán

Theo nội dung sau:

*(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)*

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
<b>Số vốn chấp nhận:</b>			
+ Mục ....., tiêu mục.....			
+ Mục ....., tiêu mục.....			
+ Mục ....., tiêu mục.....			
+ Mục ....., tiêu mục.....			
<b>Trong đó:</b>			
+ Số thu hồi tạm ứng:			
Các năm trước:			
Năm nay:			
+ Thuế giá trị gia tăng			
+.....			
+ Số trả đơn vị thụ hưởng:			
Bằng chữ:.....			
.....			
.....			
<b>Số từ chối:</b>			
Lý do từ chối:.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

**Ghi chú:** .....

.....

.....

....., ngày .....tháng.....năm.....

**Cán bộ thanh toán**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc KBNN**  
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG**  
**CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**  
(Số.....)

1. Tên dự án: .....
  2. Mã dự án: .....
  3. Tên gói thầu: .....
  4. Hợp đồng số:.....ngày.....tháng.....năm..... Giá trị:.....đồng.  
Hợp đồng bổ sung (nếu có) số: .....ngày.....tháng.....năm.... Giá trị:.....đồng.
  5. Chủ đầu tư (Bên giao thầu):.....
  6. Bên nhận thầu: .....
  7. Giai đoạn thanh toán/Lần thanh toán số:.....
  8. Biên bản nghiệm thu số: .....ngày.....tháng.....năm.....
  9. Giá trị tạm ứng theo Hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:..... đồng.
  10. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:.....đồng.
- Căn cứ khối lượng đã được nghiệm thu, đủ điều kiện thanh toán theo quy định của Nhà nước; Bên nhận thầu đề nghị Bên giao thầu thanh toán số tiền như sau:

Số TT	Tên công việc	Khối lượng hoàn thành	Đơn giá thanh toán	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3 = 1 x 2	4
1	<b>Các công việc hoàn thành theo Hợp đồng.</b>				
1.1	.....				
1.2	.....				
2	<b>Các công việc phát sinh ngoài Hợp đồng.</b>				
2.1	.....				
2.2	.....				
3	<b>Số tiền thu hồi tạm ứng lần này (theo quy định của Hợp đồng)</b>				
4	<b>Giá trị đề nghị thanh toán lần này (= 1 + 2 - 3)</b>				

- Số tiền bằng chữ:.....đồng.
11. Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ này: .....đồng.
12. Lũy kế giá trị thanh toán đến cuối kỳ này: .....đồng.

**Đại diện nhà thầu**  
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

**Đại diện tư vấn giám sát hoặc đại diện Ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có)**

....., ngày ....tháng ....năm.....  
**Đại diện Chủ đầu tư**  
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ)

**BẢNG KÊ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG  
CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐÃ THỰC HIỆN**  
(Số.....)

Đơn vị tính: đồng.

Số TT	Nội dung	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ		Số tiền bồi thường, hỗ trợ đã chi trả theo phương án được duyệt	Ghi chú
		Số .....ngày, tháng, năm	Số tiền		
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Thanh toán cho tổ chức</b>				
1	Tổ chức A				
2	Tổ chức B				
....	.....				
<b>II</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>				
1	Hộ A				
2	Hộ B				
...	.....				

**Đại diện Chủ đầu tư**  
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

**Đại diện Chính quyền địa phương**  
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

....., ngày .....tháng .....năm.....  
**Đại diện Hội đồng đền bù, giải phóng mặt bằng (nếu có)**  
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 ...

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH .....**

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Định mức (cho 1)	Số lượng	Khối lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>							
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ VẬT LIỆU (VL)</b>							
1	Xi măng	Tấn						
2	Đá dăm	m <sup>3</sup>						
3	Cát	m <sup>3</sup>						
4	Thép	kg						
5	Gạch	viên						
6	Gỗ, ván khuôn	m <sup>3</sup>						
	...							
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ MÁY THI CÔNG (MTC)</b>							
1	Máy trộn bê tông	ca						
2	Máy cắt uốn thép	ca						
3	Máy đầm bàn	ca						
	...							
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ NHÂN CÔNG (NC)</b>							
1	Nhân công đào	công						
2	Nhân công đắp	công						
3	Nhân công đổ bê tông	công						
<b>D</b>	<b>NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ)</b>							
	.....							
<b>II</b>	<b>Chi phí thiết bị</b>							
<b>III</b>	<b>Chi phí khác</b>							
	Chi phí QLDA							
	.....							
	<b>TỔNG CỘNG</b>							

Trong đó:

1. Nhà nước hỗ trợ:

- + Chi phí vật liệu ..... ; tiền ..... triệu đồng;
- + Chi phí quản lý: ..... triệu đồng;
- + Chi phí máy thi công (nếu có): ..... triệu đồng;
- + Chi phí nhân công (nếu có): ..... triệu đồng;
- + Chi phí khác (nếu có): ..... triệu đồng;

2. Mức đóng góp của nhân dân: ..... triệu đồng (nếu đóng góp nhân công, vật liệu... thì ghi rõ và quy ra tiền), gồm: Nhân công, vật liệu thi công, máy thi công, tiền mặt...

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU**

**ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**

**CHỦ ĐẦU TƯ**

ĐƠN VỊ THẨM TRA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THẨM TRA QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã .....

- Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Căn cứ Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

- Căn cứ Thông tư liên bộ số 26/2010/TTLB-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

- Căn cứ Thông tư 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch đầu tư về hướng dẫn quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

- Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 3148/HDLN-KHĐT-XD-TC-KBNN-XDNTM ngày 25/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Xây dựng – Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước tỉnh – Ban xây dựng nông thôn mới về trình tự lập, thẩm định phê duyệt dự toán và tổ chức quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình sử dụng vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới có quy mô vốn đầu tư dưới 3,0 tỷ đồng;

- Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã phường thị trấn;

- Căn cứ kết quả thẩm định công trình đã được Tổ thẩm định thống nhất tại Biên bản ngày ..... tháng .... năm 2014. Tổ thẩm định đầu tư lập báo cáo kết quả thẩm tra công trình: ..... với nội dung như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN:**

1. Quyết định đầu tư:

Các Quyết định đầu tư....

1.1. Chủ đầu tư: Ban quản lý xã .....

- 1.2. Địa điểm xây dựng: Thôn..... Xã..... huyện .....
- 1.3. Mục tiêu đầu tư:.....
- 1.4. Nội dung và quy mô đầu tư:
- 1.5. Tổng mức đầu tư: ..... đồng.
- Trong đó:
- + Chi phí vật liệu: ..... đồng.
  - + Chi phí máy thi công:..... đồng.
  - + Chi phí nhân công: ..... đồng.
  - + Chi phí quản lý dự án:..... đồng.
  - + Chi phí khác (nếu có): ..... đồng.
- 1.6. Nguồn vốn đầu tư:
- Ngân sách nhà nước: ..... đồng.
  - Huy động nhân dân đóng góp: ..... đồng.
  - Huy động khác: (các tổ chức, cá nhân tài trợ): ..... đồng.
- 1.7. Hình thức quản lý dự án: .....
2. Dự toán công trình:
- Quyết định số .... về việc phê duyệt dự toán dự công trình: ..... với giá trị: ..... đồng.
- Trong đó:
- + Chi phí vật liệu: ..... đồng.
  - + Chi phí máy thi công:..... đồng.
  - + Chi phí nhân công: ..... đồng.
  - + Chi phí quản lý dự án:..... đồng.
  - + Chi phí khác (nếu có): ..... đồng.
- II. THỰC HIỆN :**
1. Các đơn vị thực hiện:
- Quản lý dự án: .....
  - Giám sát cộng đồng: .....
  - Đơn vị thi công: .....
2. Thời gian khởi công và bàn giao thực tế: .....
3. Hồ sơ quyết toán chủ đầu tư trình:
- Hồ sơ quyết toán dự án do Ban quản lý xây dựng NTM xã ..... trình lập theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành.
  - Trong hồ sơ quyết toán của dự án còn có các văn bản khác bao gồm:
    - + Các hợp đồng kinh tế giữa Ban quản lý xây dựng NTM xã ..... và các đơn vị tư vấn, thi công.
    - + Hồ sơ hoàn công, nhật ký công trình, biên bản nghiệm thu bàn giao và đưa công trình vào sử dụng.



- Giá trị quyết toán Chủ Đầu tư đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán:  
Tổng số : ..... đồng.

Trong đó:

+ Chi phí vật liệu: ..... đồng.

+ Chi phí máy thi công:..... đồng.

+ Chi phí nhân công: ..... đồng.

+ Chi phí quản lý dự án:..... đồng.

+ Chi phí khác (nếu có): ..... đồng.

4. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán: .....

### III. KẾT QUẢ THẨM TRA:

1. Giá trị quyết toán sau thẩm tra: .....

2. Các khoản thiệt hại không tính vào giá trị tài sản: ..... đồng.

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: ..... đồng.

4. Vốn và nguồn thanh toán:

4.1. Nguồn vốn:

4.2. Số vốn đã thanh toán:

Căn cứ vào bảng thanh toán và công nợ của Ban quản lý xây dựng NTM xã ..... và xác nhận của Kho bạc nhà nước huyện....., nguồn vốn đã cấp phát cho dự án đến ngày ..... như sau:

- Tổng vốn đã thanh toán: ..... đồng.

Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: ..... đồng.

+ Huy động nhân dân đóng góp: ..... đồng.

+ Huy động khác: (các tổ chức, cá nhân tài trợ): ..... đồng

4.3. Số vốn cấp thiếu, thừa:

Tổng vốn: ..... đồng.

+ Ngân sách nhà nước: ..... đồng.

+ Huy động nhân dân đóng góp: ..... đồng.

+ Huy động khác: (các tổ chức, cá nhân tài trợ): ..... đồng

5. Nhận xét đánh giá quá trình thực hiện:.....

6. Đề nghị: .....

Kính đề nghị UBND xã..... phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của công trình: ..... để các đơn vị có cơ sở pháp lý thực hiện bước tiếp theo như quy định quản lý đầu tư xây dựng của nhà nước hiện hành./.

Nơi nhận:

.....;

**ĐƠN VỊ THẨM TRA**